

Nhận thức của các lực lượng giáo dục về công tác dự báo số trẻ, số học sinh đến trường với công tác đảm bảo các điều kiện phát triển giáo dục

Huỳnh Văn Sơn

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
280, An Dương Vương, Phường 4,
Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Email: sonhv@hcm.edu.vn

TÓM TẮT: Bài viết trình bày về kết quả đánh giá nhận thức của các lực lượng giáo dục (cán bộ quản lý, giáo viên, nhà nghiên cứu giáo dục) về kết quả dự báo số trẻ, số học sinh đến trường với công tác đảm bảo các điều kiện phát triển giáo dục tại Việt Nam. Khảo sát 6300 nhà quản lý và giáo viên các cấp, 150 giảng viên và nhà nghiên cứu giáo dục, 120 cán bộ quản lý các cấp, người nghiên cứu phát hiện nhiều minh chứng đáng quan tâm, kết quả phản ánh nhận thức của các lực lượng giáo dục về công tác dự báo số trẻ, số học sinh đến trường còn hạn chế. Do đó, khắc phục sự hạn chế về quan điểm là giải pháp cần thiết triển khai để đảm bảo các điều kiện phát triển giáo dục ở nước ta.

TỪ KHÓA: Nhận thức; lực lượng giáo dục; dự báo số trẻ - số học sinh đến trường; các điều kiện phát triển giáo dục.

→ Nhận bài 18/5/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 01/6/2020 → Duyệt đăng 15/9/2020.

1. Đặt vấn đề

Quan niệm về điều kiện phát triển giáo dục phổ thông (GDPT) ở các quốc gia trên thế giới phụ thuộc vào mục tiêu giáo dục (GD) riêng của từng quốc gia. Trong khi đó, bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDPT ở mỗi quốc gia cũng sẽ phản ánh đặc trưng riêng tùy theo các mục tiêu GDPT riêng ở từng nước (Zhang & Wei, 2017). Chẳng hạn như ở Hoa Kỳ, mục tiêu chính của GDPT ở Hoa Kỳ là GD những công dân toàn diện, trong đó tập trung vào bốn khía cạnh: Kiến thức chuyên môn; định hướng nghề nghiệp; tính xã hội, công dân, văn hóa và phát triển cá nhân. Vì vậy, các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GD ở Hoa Kỳ thường nhấn mạnh vào người học và năng lực của người học. Các điều kiện phát triển GDPT ở Hoa Kỳ theo quan điểm đảm bảo chất lượng theo đó cũng bao gồm các nội dung về đảm bảo điều kiện phát triển người học và năng lực người học. GD Hoa Kỳ vốn được xem là có tính phân quyền rất mạnh nên các vấn đề GD cũng không được đề cập cụ thể trong Hiến pháp Hoa Kỳ mà được xem là các vấn đề thuộc trách nhiệm của các tiểu bang (Singh, 2018).

Không thể phủ nhận việc chuẩn bị các điều kiện phát triển góp phần quan trọng nâng cao chất lượng GD. Việc xác định mối quan hệ tương hỗ, chi phối hay tương tác giữa kết quả dự báo số trẻ, số học sinh (HS) đến trường và việc chuẩn bị các điều kiện phát triển GD là điều rất quan trọng không chỉ trên bình diện lý luận mà cả thực tiễn. Việc tiến hành điều tra, khảo sát để dự báo số trẻ, số HS đến trường, mô hình hóa các nhu cầu tương ứng về GD dựa trên nền tảng của kết quả dự báo là “đầu vào”

cần thiết trong bài toán đáp ứng các điều kiện phát triển giáo dục. Dựa trên nền tảng đó, đề xuất giải pháp (tiếp cận chính sách vĩ mô hay các yêu cầu vi mô) nhằm giải quyết tình hình hiện tại và đáp ứng nâng cao theo lộ trình dự báo cũng như tầm nhìn tương lai là cái nhìn khoa học, hiện đại và nhân văn (Van, Minh, Vinh, Vinh & Thien, 2019). Đảm bảo điều kiện phát triển GD nước ta là trọng trách của ngành GD và đào tạo cũng như của nhà quản lý, từng nhà giáo và các lực lượng có liên quan. Việc đảm bảo điều kiện phát triển GD dựa trên các luận cứ, các cơ sở khoa học là vô cùng quan trọng. Một trong những thao tác cần thực hiện đó là dự báo số trẻ, số HS đến trường (Chính phủ, 2012). Yêu cầu này không chỉ thực hiện với trẻ mầm non - GD tiền học đường mà còn ở tất cả các độ tuổi đến trường của HS đều cần được dự báo thường xuyên và chủ động hơn. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung vào việc tìm hiểu nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) các cấp, đội ngũ giáo viên (GV) và nhà nghiên cứu về vai trò của công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường và đảm bảo các điều kiện phát triển GD Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dự báo giáo dục và công tác đảm bảo các điều kiện phát triển giáo dục

2.1.1. Dự báo giáo dục

Dự báo GD là xác định trạng thái tương lai của hệ thống GD với xác suất nào đó có ý nghĩa định hướng, làm cơ sở khoa học cho việc xác định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu lớn của GD. Đối tượng của dự báo GD - đào tạo là hệ thống GD quốc dân của một nước,

một địa phương với những đặc trưng về quy mô phát triển, cơ cấu loại hình, mạng lưới trường, đội ngũ GV, chất lượng đào tạo, tổ chức sư phạm (Van, Minh, Vinh, Vinh, & Thien, 2019). Thuật ngữ dự báo GD bao hàm đầy đủ tất cả những nội hàm cơ bản của dự báo và đặt nó vào trong hoạt động đặc thù của con người: GD. Nói như vậy để nhận thấy dự báo GD được phân tích trên nhiều bình diện như: dự báo số trẻ hay số HS đến trường, dự báo nhu cầu GD theo đà phát triển của xã hội, dự báo GD dựa trên mối quan hệ với kinh tế xã hội, môi trường và sự thay đổi của điều kiện xung quanh... Tóm lại, dự báo GD là xác định trạng thái tương lai của hệ thống GD với một xác suất nào đó. Như vậy, công tác dự báo GD là cơ sở quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực trong GD. Việc dự báo trẻ em, HS đến trường là một trong những nội dung cơ bản của công tác dự báo GD.

2.1.2. Công tác đảm bảo các điều kiện phát triển giáo dục

Điều kiện phát triển GD gồm các điều kiện về cơ sở vật chất và điều kiện về đội ngũ nhà giáo, CBQL và nhân viên, điều kiện về tài chính...Tuy nhiên, chúng tôi tập trung nhiều về ba điều kiện đầu bởi đặc thù của GD công lập tại Việt Nam hiện nay.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi điều tra để thu thập dữ liệu khảo sát theo các nhóm câu hỏi được xác lập ứng với các tiêu chí cần khảo sát về nhận thức đối với công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường: Nhận thức về khái niệm; Nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của công tác này; Nhận thức về sự cần thiết của công tác này; Nhận thức về mối quan hệ giữa dự báo số trẻ, số HS đến trường và việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD. Bảng hỏi điều tra được thiết kế với 20 - 30 tiêu chí. Nghiên cứu ở 02 khách thể trọng điểm: CBQL GD (để thu thập dữ liệu sơ cấp) và giảng viên, GV (nhóm khách thể bổ trợ, để thu thập dữ liệu sơ cấp trong cái nhìn so sánh - đối chiếu).

Khảo sát đảm bảo đủ số lượng, đúng thành phần mẫu gồm: 6.570 khách thể cho 3 nhóm mẫu cụ thể: CBQL GD cấp trung ương, cấp tỉnh - thành phố (TP) (6300), nhà nghiên cứu và giảng dạy về GD tại các cơ sở GD đại học, viện (150), CBQL GD, GV mầm non (GVMN) và GV phổ thông (GVPT) ở địa phương (120). Để đảm bảo tính khách quan do phân bố địa lí và kinh tế xã hội, 63 tỉnh TP được chia thành các khu vực: khu vực Nam - Tây Nam Bộ; Trung - Tây Nguyên và Bắc - Bắc Trung Bộ. Mỗi khu vực tương ứng chọn 6 tỉnh, TP: TP Hồ Chí Minh, TP Cần Thơ, TP Đà Nẵng, TP Đắk Nông, TP Thái Nguyên và Thủ đô Hà Nội.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Nhận thức về công tác dự báo số trẻ, số học sinh đến trường

a. Nhận thức của CBQL GD về khái niệm công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường (xem Bảng 1)

Kết quả thống kê ở Bảng 1 cho thấy, có 54,2% CBQL lựa chọn khái niệm: “*Công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường là tìm ra số trẻ, số HS đến trường một cách tương đối từ quy luật biến thiên của một thực tế*”. Có 25% CBQL - ứng với 1/4 mẫu khảo sát lựa chọn khái niệm “*Công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường là mô tả số HS, số trẻ đến trường trong 1 năm để có thể chuẩn bị các điều kiện có liên quan*”. Có 11,7% CBQL chọn khái niệm: “*Công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường là phán đoán có cơ sở khoa học để biết số trẻ, số HS đến trường theo một giai đoạn, một khung thời gian nhất định với xác suất phù hợp*”. Ngoài ra, 9,2% CBQL chọn khái niệm: “*Công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường là xác định trạng thái tương lai của số lượng trẻ và số HS đến trường với một xác suất nào đó dựa trên nền tảng của một dữ liệu khách quan, phương pháp dự báo khoa học và các tiêu chí được xác định*”. Như vậy, chỉ 9,2% CBQL lựa chọn khái niệm về công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường theo đúng cơ sở lý luận về công tác dự báo

Bảng 1: Nhận thức của CBQL về khái niệm công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường

TT	Khái niệm	CBQL	
		N	%
1	Công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường là mô tả số HS, số trẻ đến trường trong một năm để có thể chuẩn bị điều kiện có liên quan.	30	25,0
2	Công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường là phán đoán có cơ sở khoa học để biết số trẻ, số HS đến trường theo một giai đoạn, một khung thời gian nhất định với xác suất phù hợp.	14	11,7
3	Công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường là tìm số trẻ, số HS đến trường một cách tương đối từ quy luật biến thiên của một thực tế.	65	54,2
4	Công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường là xác định trạng thái tương lai của số trẻ và số HS đến trường với một xác suất nào đó dựa trên nền tảng dữ liệu khách quan, phương pháp dự báo khoa học và các tiêu chí.	11	9,2
Tổng cộng		120	100

GD đề tài đã xác lập. Lí giải cho vấn đề này, có thể nhận thấy, đội ngũ CBQL chưa thật sự quan tâm đến việc hiểu rõ bản chất của dự báo GD và tiếp cận mô hình dự báo GD, phục vụ công tác dự báo GD, đảm bảo sự phát triển cho công tác GD. Các CBQL thực hiện hơn là hiểu khái niệm, chưa quan tâm đến lí thuyết vấn đề. Kết quả này phản ánh nhận thức về công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường hiện nay ở nước ta chưa thật sự đạt kết quả cao như kì vọng và nhất thiết cần có những điều chỉnh thiết thực, khoa học.

b. Nhận thức tầm quan trọng, ý nghĩa và sự cần thiết của công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường

Bảng 2 cho thấy, với đội ngũ CBQL, ĐTB = 4,61 phản ánh nhóm đối tượng này nhận định công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường ở mức độ rất quan trọng. 70% CBQL cho rằng, công tác này rất cần thiết và 21,7% CBQL cảm thấy công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường là cần thiết ở nước ta. Như vậy, kết quả này phần nào phản ánh các lực lượng GD ở nước ta đã và đang nhận thức ở mức độ khá về tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường. Đây là điều kiện quan trọng để chuẩn bị cho giai đoạn đổi mới GD nước ta trong thời gian tới.

Trong Bảng 3, với ĐTB = 4,37 - mức độ quan trọng, kết quả này phản ánh rằng, các CBQL GD đã nhận thức được sự cần thiết của công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường. Có 46,7% CBQL - xấp xỉ 1/2 mẫu khảo sát cho rằng công tác dự báo số trẻ, số học rất cần thiết và 44,2% CBQL cho rằng cần thiết. Với tổng tỉ lệ hơn 90% CBQL cho rằng, công tác này cần thiết/rất cần thiết cho phép nhận định rằng, CBQL tại Việt Nam đã nhận thức khá tốt về vấn đề dự báo số trẻ, số HS đến trường cùng như

chuẩn bị sẵn sàng tâm thế để đổi mới nền GD trong bối cảnh hiện nay.

2.3.2. Nhận thức về việc đảm bảo các điều kiện phát triển giáo dục

a. Nhận thức về việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD

Với các điều kiện về cơ sở vật chất, có 73,8% nhóm CBQL, GVMN, GVPT cho rằng không cần thiết, nhóm CBQL cấp tỉnh - TP và trung ương cũng đồng thuận quan điểm này với 76,7% (xem Bảng 4). Tuy nhiên, ở nhóm nhà nghiên cứu và giảng viên lại có 47,3% cho rằng, các điều kiện về cơ sở vật chất cần thiết và 52,7% cho rằng không cần thiết - một tỉ lệ ở mức độ trung dung và có sự chênh lệch. Dưới góc độ GD, các nhà khoa học cho rằng, cơ sở vật chất là cần thiết để đảm bảo phát triển GD, trong khi dưới góc độ thực tế quản lí lại cho rằng điều này thật sự không cần thiết. Vì sao có sự mâu thuẫn này? Kết quả phỏng vấn cho thấy: “Các CBQL, GVMN, GVPT cho rằng, nên xem điều kiện phát triển GD là các điều kiện tổng quát. Trong khi đó, các nhà khoa học khẳng định, cần nhìn nhận điều kiện này như một yêu cầu tối thiểu phải đảm bảo và đáp ứng”.

Với các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, CBQL và nhân viên, tỉ lệ nhận thức điều kiện này là cần thiết của các lực lượng GD chiếm con số không khả quan: 30,5% nhà quản lí, GVMN, GVPT cho rằng cần thiết; 50,7% nhà nghiên cứu, giảng viên cho rằng cần thiết; 55,0% CBQL cho rằng cần thiết. Tỉ lệ nhận thức điều kiện về con người ở mức không cần thiết khá cao tạo ra băn khoăn đáng kể. Với các điều kiện khác, tỉ lệ khách thể quan niệm không cần thiết cũng ở mức khá cao, cả ba lực lượng đều nhận thức điều kiện này không cần thiết (trên 60%).

Bảng 2: Quan niệm về tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường của các nhóm khách thể

TT	Quan niệm về tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác	Mức độ						ĐTB	ĐLC
			1	2	3	4	5		
1	CBQL GD	N	0	0	10	26	84	4,61	,637
		%	0	0	8,3	21,7	70,0		

(ĐTB = Điểm trung bình; ĐLC = Độ lệch chuẩn; 1 = Hoàn toàn không cần thiết; 2 = Không cần thiết; 3 = Bình thường; 4 = Cần thiết; 5 = Rất cần thiết)

Bảng 3: Nhận thức của CBQL về sự cần thiết của công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường

CBQL GD	Mức độ						ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
Sự cần thiết công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường	N	0	0	11	53	56	4,37	,649
	%	0	0	9,2	44,2	46,7		

(ĐTB = Điểm trung bình; ĐLC = Độ lệch chuẩn; 1 = Hoàn toàn không cần thiết; 2 = Không cần thiết; 3 = Bình thường; 4 = Cần thiết; 5 = Rất cần thiết).

Bảng 4: Nhận thức của các nhóm khách thể về các điều kiện đảm bảo phát triển GD

Điều kiện	CBQL, GVMN, GVPT				Nhà nghiên cứu, giảng viên				CBQL tỉnh, TP, trung ương			
	Cần		Không cần		Cần		Không cần		Cần		Không cần	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Điều kiện về cơ sở vật chất	1650	26,2	4650	73,8	71	47,3	79	52,7	28	23,3	92	76,7
Điều kiện về đội ngũ nhà giáo	1921	30,5	4379	69,5	76	50,7	74	49,3	66	55,0	54	45,0
Điều kiện khác	1632	25,9	4668	74,1	60	40,0	90	60,0	35	29,2	85	70,8

Bảng 5: Nhận thức về việc đảm bảo điều kiện phát triển GD

TT	Đảm bảo điều kiện phát triển GD dựa trên những cơ sở khoa học		Mức độ					ĐTB	ĐLC
			1	2	3	4	5		
1	CBQL, GVMN và GVPT	N	402	3495	626	1591	186	2,62	2,629
		%	6,4	55,5	9,9	25,3	3,0		
2	Nhà nghiên cứu và giảng viên	N	0	57	14	71	8	3,20	1,016
		%	0	38,0	9,3	47,3	5,3		
Tổng TB							2,9146		

(ĐTB = Điểm trung bình; ĐLC = Độ lệch chuẩn; 1= Hoàn toàn chưa dựa trên cơ sở khoa học; 2= Chưa dựa trên cơ sở khoa học; 3= Lưỡng lự; 4= Dựa trên cơ sở khoa học; 5= Hoàn toàn dựa trên cơ sở khoa học)

b. Nhận thức về việc đảm bảo điều kiện phát triển GD của nước ta dựa trên những cơ sở khoa học trong đó có kết quả dự báo số trẻ, số HS đến trường

Số liệu thống kê từ Bảng 5 cho thấy, có sự đối lập khá rõ nét trong nhận thức về các điều kiện đảm bảo phát triển GD giữa 2 nhóm khách thể. Với CBQL, GVMN và GVPT, ĐTB = 2,62, ứng với mức trung bình, trong đó, 6,4% cho rằng việc đảm bảo điều kiện phát triển GD ở nước ta hiện nay hoàn toàn chưa dựa trên cơ sở khoa học, 55,5% cho rằng, việc đảm bảo điều kiện phát triển GD ở nước ta chưa dựa trên cơ sở khoa học. Chỉ 3% khách thể cho rằng, việc đảm bảo điều kiện phát triển GD ở nước ta hoàn toàn dựa trên cơ sở khoa học và 25,3% cho rằng, việc đảm bảo điều kiện phát triển GD ở nước ta hiện có dựa trên cơ sở khoa học. Ngược lại, với các nhà nghiên cứu và giảng viên, ĐTB = 3,2 - ứng với mức trung bình nhưng tỉ lệ phần trăm giữa các mức độ có sự khác biệt đáng kể so với nhóm CBQL, GVMN và GVPT. Trong đó, 5,3% cho rằng, việc đảm bảo điều kiện phát triển GD hoàn toàn dựa trên cơ sở khoa học và 47,3% đồng ý rằng, việc đảm bảo điều kiện phát triển GD có dựa trên cơ sở khoa học. Chỉ 38% khách thể cho rằng, việc đảm bảo điều kiện phát triển GD chưa dựa trên cơ sở khoa học. Sự đối lập trong nhận thức giữa 2 nhóm khách thể giúp phát hiện được nhiều mâu thuẫn tồn đọng trong ngành GD.

c. Nhận thức về vai trò của kết quả dự báo với công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD (xem Bảng 6)

Với đối tượng CBQL, GVMN và GVPT, biểu hiện có ĐTB cao nhất là “Việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD phải dựa trên các tiêu chuẩn chung của lớp học, trường học, công tác dạy học và GD” (4,29) - ứng với mức độ rất cần thiết và 2 biểu hiện có ĐTB thấp nhất - ứng với mức độ không cần thiết là “Việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD không cần dựa trên kết quả dự báo số trẻ, số HS đến trường” (ĐTB = 2,48) và “Việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD không cần dựa trên kết quả dự báo nhu cầu đào tạo GV” (ĐTB = 2,58). 14 biểu hiện còn lại dao động từ mức độ trung bình đến cần thiết, minh chứng rằng với nhóm đối tượng này, họ xem công tác đảm các điều kiện phát triển GD ở nước khá quan trọng và nên có những bước đi bền vững để phát triển GD nước nhà, đặc biệt là phải chuẩn bị kĩ càng các điều kiện về cơ sở vật chất.

Với đối tượng CBQL trung ương, tỉnh, TP, biểu hiện có ĐTB cao nhất là: “Việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD phải dựa trên các tiêu chuẩn chung của lớp học, trường học, công tác dạy học và GD” (ĐTB = 4,19) - ứng với mức độ cần thiết. Không có biểu hiện có mức độ hoàn toàn không cần thiết và không cần thiết. Ở 16 biểu hiện còn lại dao động từ 2,60 - mức độ trung bình - “Việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD không cần thiết dựa trên kết quả dự báo số trẻ, số HS đến trường” đến 3,92 - mức độ cần thiết - “Công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD ở nước ta hiện nay bắt đầu quan tâm đến đội

Bảng 6: Nhận thức vai trò của kết quả dự báo với công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD

TT	Biểu hiện	CBQL, GVMN, GVPT		CBQL tỉnh, TP, trung ương	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD là trách nhiệm của cơ quan trung ương, Nhà nước.	3,47	1,095	3,69	,906
2	Việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD không cần thiết dựa trên kết quả dự báo số trẻ, số HS đến trường.	2,48	1,327	2,60	1,279
3	Việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD không cần thiết dựa trên kết quả dự báo nhu cầu đào tạo GV.	2,58	1,262	2,86	1,272
4	Việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD không cần dựa trên kết quả đánh giá về tiêu chí tương thích với cơ sở vật chất trường học.	2,67	1,297	2,92	1,254
5	Việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD không cần dựa trên kết quả đánh giá về học liệu, đồ dùng học tập...	2,91	1,540	2,97	1,528
6	Việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD cần dựa trên kết quả khảo sát đánh giá các chỉ số tâm sinh lí của trẻ theo đà phát triển của xã hội.	3,66	,997	3,62	1,101
7	Việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD phải dựa trên các tiêu chuẩn chung của lớp học, trường học, công tác dạy học và GD.	4,29	,905	4,18	,907
8	Công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD ở nước ta hiện nay chưa dựa trên cơ sở khoa học vững chắc.	3,41	1,047	3,70	1,017
9	Công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD ở nước ta hiện nay vẫn còn thụ động, thiếu tính tích cực, dự báo.	3,03	1,222	3,25	1,330
10	Công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD ở nước ta hiện nay còn rập khuôn, máy móc.	3,37	1,037	3,38	1,132
11	Công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD hiện nay chưa kết nối dữ liệu dự báo số trẻ, số HS đến trường.	3,09	1,156	3,22	1,189
12	Công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD hiện nay được hiểu thiên nhiều về cơ sở vật chất, thiết bị, máy móc...	3,52	1,047	3,61	1,102
13	Công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD hiện nay bắt đầu quan tâm đến đội ngũ nhà giáo.	3,80	1,034	3,92	,931
14	Công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD hiện nay quan tâm đến phần ngọn, chưa triệt để giải quyết phần gốc.	3,40	1,077	3,58	1,120
15	Công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD ở nước ta hiện nay chỉ mới thực hiện nhiều ở cấp trung ương, bộ.	2,82	1,297	3,00	1,335
16	Công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD hiện nay phụ thuộc vào đề xuất của các cơ sở, chưa có tầm nhìn.	3,08	1,048	3,30	,992
17	Công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD ở nước ta hiện nay chưa đồng bộ, hệ thống và xuyên suốt với dữ liệu nhất quán, thông tin kết nối khoa học.	3,42	,938	3,67	,920

(ĐTB = Điểm trung bình; ĐLC = Độ lệch chuẩn)

ngũ GV, CBQL GD”.

Như vậy, ở cả hai nhóm khách thể đều có chung quan điểm, việc chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất là yêu cầu quan trọng nhằm đảm bảo các điều kiện phát triển GD. Nhưng chính các khách thể này lại cho rằng, việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD không cần dựa trên kết quả dự báo số trẻ, số HS đến trường. Với kết quả này, việc nhìn nhận công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường như là một điều kiện đảm bảo phát triển GD chưa được quan tâm. Đây chính là một nguyên nhân làm cho việc đảm bảo điều kiện phát triển GD ở nước ta chưa như mong đợi.

2.3.3. Nhận thức về mối quan hệ giữa công tác dự báo số trẻ, số học sinh đến trường và vấn đề đảm bảo các điều kiện phát triển giáo dục

Kết quả ở Bảng 7 cho thấy những biểu hiện khá tích cực trong nhận thức về mối quan hệ giữa công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường và vấn đề đảm bảo các điều kiện phát triển GD. Với ĐTB thành phần cao nhất = 4,45 - ứng với mức độ rất cần thiết của biểu hiện “Khi kết quả dự báo số trẻ em, số HS đến trường phù hợp, chuẩn xác thì việc chuẩn bị điều kiện phát triển GD sẽ chủ động, tích cực” cho thấy nhóm đối tượng nhà quản lí, GVMN và GVPT biết rằng giữa công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường rất quan trọng đối với việc chuẩn bị các điều

Bảng 7: Nhận thức về mối quan hệ giữa công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường và vấn đề đảm bảo các điều kiện phát triển GD

TT	Biểu hiện	CBQL, GVMN, GVPT		CBQL tỉnh, TP, trung ương	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Nếu việc dự báo số trẻ em, số HS đến trường khoa học, việc chuẩn bị điều kiện phát triển GD sẽ hiệu quả.	4,18	,827	4,30	,669
2	Việc dự báo số trẻ, số HS đến trường là cơ sở quan trọng để chuẩn bị đội ngũ GV, các điều kiện trường lớp cũng như sự phát triển chung trên bình diện vĩ mô.	4,20	,794	4,32	,648
3	Việc dự báo số trẻ em, số HS đến trường là cơ sở quan trọng để xác định các điều kiện phát triển GD.	4,32	,870	4,67	,599
4	Việc dự báo số trẻ em, số HS đến trường không tác động đến việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD vì các điều kiện này đã tồn tại khá lâu, khá ổn định.	2,64	1,458	2,04	1,469
5	Việc dự báo số trẻ em, số HS đến trường quan hệ chặt với việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD.	4,27	,918	4,58	,762
6	Việc dự báo số trẻ em, số HS đến trường khoa học thì việc chuẩn bị các điều kiện phát triển GD phù hợp.	4,41	,769	4,64	,696
7	Khi kết quả dự báo số trẻ em, số HS đến trường không phù hợp thì việc chuẩn bị các điều kiện phát triển GD không thể đảm bảo.	3,43	1,491	2,99	1,713
8	Kết quả dự báo số trẻ em, số HS đến trường phù hợp thì việc chuẩn bị điều kiện phát triển GD sẽ chủ động.	4,45	,721	4,68	,550
9	Nếu quan hệ giữa kết quả dự báo số trẻ em, HS đến trường và chuẩn bị các điều kiện phát triển GD đảm bảo thì cơ sở nâng cao chất lượng GD vững chắc.	4,33	,912	4,56	,906

(ĐTB = Điểm trung bình; ĐLC = Độ lệch chuẩn)

kiện đảm bảo. Tuy nhiên, ĐTB thành phần thấp nhất = 2,64 - ứng với mức độ bình thường của biểu hiện “Việc dự báo số trẻ em, số HS đến trường không tác động đến việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD vì các điều kiện này đã tồn tại khá lâu, khá ổn định” cho thấy vẫn còn một số CBQL, GVMN và GVPT chưa thấy được hiệu quả của kết quả dự báo số trẻ, số HS đến trường tác động đến việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD. Có thể đội ngũ này nhận thức được tầm quan trọng của công tác dự báo GD. Tuy nhiên, thực tế lại khó thay đổi do hạn chế về các điều kiện đảm bảo sự phát triển như nguồn nhân lực, cơ sở vật chất hoặc một số hạn chế khác. Các biểu hiện còn lại đều ở mức độ trên trung bình, nhiều biểu hiện đạt mức độ rất cần thiết, cho thấy sự quan tâm của nhóm khách thể này khi nhận thức về mối quan hệ giữa công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường và vấn đề đảm bảo các điều kiện phát triển GD như: Việc dự báo số trẻ, số HS đến trường là cơ sở quan trọng để chuẩn bị đội ngũ GV, các điều kiện trường lớp cũng như sự phát triển chung về mặt đáp ứng GD trên bình diện vĩ mô (ĐTB = 4,20); Việc dự báo số trẻ em, số HS đến trường có quan hệ chặt chẽ với việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD (ĐTB = 4,27); Việc dự báo số trẻ em, số HS đến trường là cơ sở quan trọng để xác định các điều kiện phát triển GD (ĐTB = 4,32); Nếu mối quan hệ giữa kết quả dự báo số trẻ em, số HS đến trường và chuẩn bị các điều kiện phát triển GD được đảm bảo thì cơ sở việc nâng cao chất lượng GD vững chắc (ĐTB = 4,33); Việc dự báo số trẻ em, số HS đến trường khoa học thì việc chuẩn bị các điều kiện phát triển GD càng phù hợp (ĐTB = 4,41).

Với nhóm CBQL, ĐTB thành phần cao nhất = 4,68 -

ứng với mức rất quan trọng của biểu hiện “Khi kết quả dự báo số trẻ em, số HS đến trường phù hợp, chuẩn xác thì việc chuẩn bị điều kiện phát triển GD sẽ chủ động, tích cực”. Các biểu hiện còn lại đều được nhóm khách thể này nhận thức ở mức cần thiết và rất cần thiết. Tuy nhiên, với ĐTB thành phần thấp nhất = 2,09 và rơi vào nhóm mức độ không cần thiết, biểu hiện “Việc dự báo số trẻ em, số HS đến trường không tác động đến việc đảm bảo các điều kiện phát triển GD vì chúng đã tồn tại khá lâu, khá ổn định” cho thấy rằng, tư duy rập khuôn, ngại đổi mới vẫn còn tồn tại đâu đó trong nhận thức của đội ngũ CBQL.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng nhận thức của các nhóm khách thể về mối quan hệ giữa công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường với công tác đảm bảo các điều kiện phát triển GD cho thấy, rất ít CBQL lựa chọn khái niệm về công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường đúng cơ sở lý luận. Đội ngũ CBQL ưu tiên thực hiện hơn là tìm hiểu lý thuyết và áp dụng lý thuyết vào thực tiễn. Nhận thức của đội ngũ CBQL về công tác công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường đảm bảo điều kiện phát triển GD về công tác này còn nhiều bất ngờ. Kết quả này càng minh chứng rõ cho việc cần phải có những biện pháp nâng cao nhận thức của đội ngũ này về công tác dự báo GD cũng như cung cấp hệ thống lý thuyết dự báo, mô hình dự báo GD có tính khoa học và hiệu quả cao vào thực tiễn để phục vụ công tác này. Không chỉ vậy, đánh giá của đội ngũ CBQL công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường đảm bảo điều kiện phát triển GD đồng ý với các yêu cầu mà chúng

tôi đưa ra khi đánh giá kết quả dự báo số trẻ, số HS đến trường đảm bảo các điều kiện phát triển GD. Như vậy, không có sự nhất quán về nhận thức của đội ngũ CBQL về tầm quan trọng hay sự cần thiết của công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường và mối quan hệ giữa công tác dự báo số trẻ, số HS đến trường với chuẩn bị điều kiện phát triển GD. Từ kết quả này chúng tôi cho rằng, cần cần nhắc và đề xuất những chương trình tập huấn cũng như các khóa huấn luyện ngắn hạn về đổi mới tư duy trong

quản lý GD để đảm bảo chiến lược phát triển nền GD quốc gia bền vững trong tương lai. Song song đó, các giải pháp quan trọng để đảm bảo quán triệt việc thực hiện dự báo số trẻ, số HS đến trường cũng như khai thác, sử dụng các dữ liệu được công khai một cách hiệu quả trong việc phân tích thực trạng điều kiện phát triển GD các cấp cũng như biến chúng thành cơ sở quan trọng để đề xuất các chiến lược phát triển GD, kế hoạch phát triển GD.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*, (Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- [2] Chính phủ, (2012), *Chiến lược Phát triển giáo dục 2011 – 2020*, Ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg, Hà Nội.
- [3] Van, S. H., Minh, H. N. T., Vinh, K. N., Vinh, L. S., & Thien, V. G, (2019), *Forecasting the results of students attending school in Vietnam by geographical area*, International Journal of Education and Practice, 7(3), 274-285.
- [4] Singh, M. G, (2018), *Educational guidance and counseling concept and its development strategies*, Differences, 2(3).
- [5] Zhang, F., & Wei, X, (2017), *Current Status and Development Strategies of Ideological and Political Education on Cultivating Innovation & Enterprise Ability of University Students*, Eurasia Journal of Mathematics, Science and Technology Education, 13(10), 6995-7001.

THE PERCEPTION OF EDUCATIONAL FORCES FOR FORECASTING THE NUMBER OF CHILDREN AND STUDENTS ATTENDING TO SCHOOL AND ENSURING THE CONDITIONS OF EDUCATIONAL DEVELOPMENT

Huỳnh Văn Sơn

Ho Chi Minh City University of Education,
280 An Duong Vuong, Ward 4,
District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam
Email: sonhv@hcm.edu.vn

ABSTRACT: *The article presents the assessment results of the awareness of the educational forces (managers, teachers, educational researchers) on the forecast of the number of children and students attending to school as well as the assurance of conditions for the educational development in Vietnam. Through a survey of 6300 managers and teachers at all levels, 150 lecturers and educational researchers, and 120 educational administrators at all levels, the author found many interesting evidence. In particular, the outstanding results reflect that the perception of the education forces on the forecast of the number of children and students attending to school is limited, leading to the renovation and development of education are not profound and comprehensive. Therefore, overcoming the limitations of opinion is a necessary solution to ensure the conditions for educational development in our country.*

KEYWORDS: Perception; education force; the forecast of the number of children and students attending to school; conditions of educational development.